| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-3-2023
*"V/v Xin ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Thảo Ngoan**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Võ Trường Thắng

2. Bà Trần Thanh Duyên

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Huê

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Huỳnh Như, Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023, về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 80/2023/QĐST-DS ngày 02 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lý Mai T**, năm sinh 1984.
Địa chỉ: Số D, KP4, đường Y, phường, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Ông **Dư Quốc K**, sinh năm 1984.
Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lý Mai T trình bày và yêu cầu như sau:*

Bà Lý Mai T và ông Dư Quốc K được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai vào năm 2016 theo giấy Chứng nhận kết hôn số 55/2016 ngày 09/5/2016. Trong quá trình chung sống nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, giữa bà T và ông K xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cải vã, bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống. Nhận thấy cuộc hôn nhân không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Dư Quốc K.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Dư Quốc K đều vắng mặt các lần triệu tập của Tòa án.*

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Lý Mai T và ông Dư Quốc K xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai vào năm 2016 theo giấy Chứng nhận kết hôn số 55/2016 ngày 09/5/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Mai T và ông Dư Quốc K là hợp pháp.

Nguyên đơn bà Lý Mai T trình bày rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa bà với ông Dư Quốc K thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên giữa vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân từ mấy năm nay không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử thấy căn cứ vào lời khai của bà Lý Mai T cùng với việc trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Dư Quốc K để hòa giải nhằm làm rõ mâu thuẫn giữa hai bên để tìm giải pháp cho hai bên thỏa thuận, đoàn tụ với nhau nhưng ông K vắng mặt, như vậy chứng tỏ ông K không có ý chí muốn đoàn tụ với bà T. Ngoài ra, trong thời gian sống ly thân hai bên đương sự không tạo điều kiện cho nhau để cải thiện quan hệ vợ chồng, khắc phục sai lầm, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Vậy nên, Hội đồng xét xử nhận thấy sự việc mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Lý Mai T và ông Dư Quốc K đã trở nên trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu nhưng không thể hàn gắn tình cảm nên việc bà Lý Mai T yêu cầu ly hôn với ông Dư Quốc K là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nguyên đơn có nghĩa vụ chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 91, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Mai T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Mai T được ly hôn với ông Dư Quốc K.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Lý Mai T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0014678 ngày 01 tháng 02 năm 20223 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên bà T không phải nộp thêm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, phải thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thảo Ngoan**